

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**ỦY BAN
THỂ DỤC THỂ THAO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1546/2006/QĐ-UBTDTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng thông tin của
Cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao****BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục thể thao;

Căn cứ Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 09/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Thông tin đến năm 2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng vụ Pháp chế, Giám đốc Trung tâm Tin học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Nguyễn Danh Thái

**ỦY BAN
THỂ DỤC THỂ THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1546/2006/QĐ-UBTDTT ngày 01 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao; trách nhiệm quản lý, thu thập, cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao; việc khai thác, sử dụng thông tin, chuẩn hóa, bảo mật và an toàn thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao.

2. Quy chế này được áp dụng đối với các vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục thể thao, các Sở Thể dục thể thao, Sở Văn hóa thông tin thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Olympic quốc gia, các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia (sau đây gọi tắt là các đơn vị) và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu ngành Thể dục thể thao*: Là kho dữ liệu, thông tin về các lĩnh vực quản lý của ngành Thể dục thể thao được lưu trữ theo dạng số hóa trên các thiết bị lưu trữ thông tin điện tử đặt tại trung tâm tích hợp dữ liệu ngành của Ủy ban Thể dục Thể thao. (Sau đây gọi tắt là cơ sở dữ liệu ngành)

2. *Trung tâm tích hợp dữ liệu ngành của Ủy ban Thể dục thể thao*: Bao gồm trung tâm tích hợp dữ liệu chính đặt tại Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao và các trung tâm tích hợp dữ liệu phụ.

3. *Dữ liệu, thông tin*: Là các chữ, các con số, hình ảnh, âm thanh, video dưới dạng có thể xử lý được bằng phần mềm máy tính. (Sau đây gọi chung là thông tin).

4. *Dữ liệu thô*: Là dữ liệu, thông tin dưới dạng văn bản (hard copy) hoặc tệp tin (file điện tử) chưa được chuẩn hóa, chỉnh lý.

5. *Dữ liệu cơ bản*: Là dữ liệu đã được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn, quy định phục vụ cho công tác thu thập thông tin đã được Ủy ban Thể dục thể thao ban hành.

6. *Dữ liệu nâng cao*: Là dữ liệu cơ bản đã thông qua quá trình chỉnh lý số liệu, bổ sung dữ liệu.

7. *Dữ liệu gia tăng giá trị*: Là dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý từ dữ liệu cơ bản hoặc dữ liệu nâng cao.

8. *Mạng máy tính Ủy ban Thể dục thể thao*: Là hệ thống mạng diện rộng kết nối mạng cục bộ tại Ủy ban Thể dục Thể thao và mạng cục bộ tại các đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục thể thao.

Điều 3. Trách nhiệm chung của các đơn vị

1. Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu ngành, chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban Thể dục Thể thao và các đơn vị có liên quan thu thập, xử lý, biên tập các nguồn thông tin và cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành.

2. Các đơn vị có nhiệm vụ tổng hợp, xử lý và cung cấp cho Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao các loại thông tin được quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Đơn vị cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu ngành chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác của thông tin do đơn vị mình cung cấp.

CHƯƠNG II THÔNG TIN CUNG CẤP CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

Điều 4. Phạm vi thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành

Tất cả các thông tin thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Thể dục Thể thao sẽ được lưu trữ và bảo quản trong cơ sở dữ liệu ngành, trừ những thông tin thuộc các

danh mục “Mật”, “Tuyệt mật”, “Tối mật” của Đảng, Nhà nước và của Ủy ban Thể dục thể thao.

Điều 5. Các loại thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành

Các loại thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành gồm:

1. Thông tin chung:

a) Các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Thể dục thể thao;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật về Thể dục thể thao;

c) Thông tin giới thiệu về lịch sử phát triển của ngành Thể dục thể thao qua các thời kỳ;

d) Thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thể dục thể thao, các Sở Thể dục thể thao, Sở Văn hóa thông tin thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao Việt Nam;

đ) Điều lệ của các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao Việt Nam;

e) Thông tin Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Thể dục thể thao.

2. Thông tin hoạt động thường xuyên:

a) Các hoạt động đối nội và đối ngoại của lãnh đạo Ủy ban Thể dục Thể thao;

b) Diễn văn, lời phát biểu, bài trả lời phỏng vấn của lãnh đạo Ủy ban Thể dục Thể thao;

c) Hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban Thể dục thể thao;

d) Hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị;

3. Các thông tin phục vụ công tác quản lý ngành:

a) Công văn đi, công văn đến của Ủy ban Thể dục Thể thao;

b) Báo cáo tổng hợp thông tin của các đơn vị, Ban tổ chức các giải thi đấu Thể thao, các báo cáo của đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các giải thi đấu Thể thao quốc tế;

c) Các thông tin quản lý chuyên ngành và nhóm các thông tin tổng hợp của ngành Thể dục thể thao:

- Các thông tin tổng hợp về vận động viên, huấn luyện viên;

- Thông tin thi đấu thể thao;
- Thông tin kết quả nghiên cứu khoa học về Thể dục thể thao;
- Thông tin về Thể dục thể thao quần chúng;
- Thông tin về Đại hội Thể dục thể thao các cấp;
- Thông tin về cơ sở vật chất và trang thiết bị thể dục thể thao.

d) Các thông tin về quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ngành Thể dục thể thao;

đ) Thông tin về các dự án đầu tư.

4. Các thông tin nội bộ ngành:

- a) Thông tin về tài sản công;
- b) Thông tin về tài chính - kế toán;
- c) Thông tin về đào tạo và bồi dưỡng;
- d) Thông tin về chương trình huấn luyện của các đội tuyển.

5. Các thông tin dịch vụ công và hành chính công:

- a) Thông tin về đăng ký hành nghề thể thao;
- b) Thông tin về thành lập, chuyển đổi lĩnh vực hoạt động của các cơ sở dịch vụ Thể dục thể thao;
- c) Thông tin về đăng ký thi đấu thể thao.

6. Các thông tin khác:

- a) Thông tin về triển khai công tác cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chống tham nhũng; các chương trình, mục tiêu của ngành;
- b) Các kết luận thanh tra đã công bố;
- c) Các thông tin về kinh tế thể thao.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, THU THẬP, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

Điều 6. Mạng lưới thu thập thông tin cho cơ sở dữ liệu ngành

1. Các đơn vị có trách nhiệm cử những cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu tổng hợp và thu thập thông tin làm đầu mối tổ chức, cung cấp các thông tin được quy định tại Điều 5 của Quy chế này cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

2. Các đơn vị có trách nhiệm cử cán bộ phụ trách phối hợp với Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao tổ chức tổng hợp, biên tập các thông tin thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị mình để cung cấp cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

Điều 7. Trách nhiệm của Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao

1. Chủ trì lập kế hoạch, xây dựng chương trình thu thập thông tin phục vụ cơ sở dữ liệu ngành.

2. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm tra độ chính xác, biên soạn các nội dung tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về công tác thu thập, quản lý, khai thác thông tin của cơ sở dữ liệu ngành, trình lãnh đạo Ủy ban Thể dục Thể thao phê duyệt.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin cơ sở dữ liệu ngành được giao theo đúng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, chỉnh biên, lưu trữ thông tin cho cơ sở dữ liệu ngành.

4. Chủ trì lập kế hoạch, dự trù kinh phí phục vụ công tác xử lý, tổng hợp, chuẩn hóa thông tin; tổ chức thực hiện việc xử lý, tổng hợp và cập nhật thông tin của cơ sở dữ liệu ngành.

5. Tổ chức thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực, chính xác các thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành. Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao chỉ cung cấp thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành trong phạm vi được cung cấp đối với người khai thác theo đăng ký của thủ trưởng đơn vị.

6. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan quy định phạm vi, mức độ, đối tượng được sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu ngành. Cấp và bàn giao quyền truy cập các thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành cho đơn vị, cá nhân đăng ký khai thác sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành.

7. Thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu giá trị gia tăng của cơ sở dữ liệu ngành theo quy định của Ủy ban Thể dục thể thao và pháp luật hiện hành.

8. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ để xây dựng mới, nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành.

9. Quản lý, vận hành các máy chủ, thiết bị tin học, mạng máy tính của Ủy ban Thể dục thể thao theo quy định, đảm bảo sự vận hành của cơ sở dữ liệu ngành tại trung tâm tích hợp dữ liệu.

10. Tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban Thể dục Thể thao kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Cung cấp đầy đủ thông tin cho Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao theo đúng thời hạn, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, các biểu mẫu và chỉ tiêu thông tin đã được Ủy ban Thể dục thể thao ban hành; chịu trách nhiệm về sự chuẩn xác của thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành.

2. Phối hợp với Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao xây dựng các nội dung, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, các biểu mẫu và chỉ tiêu thông tin của cơ sở dữ liệu ngành.

3. Yêu cầu ký hợp đồng cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu ngành đối với các thông tin thuộc danh mục các thông tin được phép thu phí theo quy định của Ủy ban Thể dục thể thao.

4. Kiểm soát việc cung cấp và khai thác thông tin của các cá nhân thuộc phạm vi đơn vị quản lý. Khi phát hiện có vi phạm phải thông báo kịp thời với Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao để xử lý.

CHƯƠNG IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN THUỘC CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

Điều 9. Khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành

Mọi tổ chức, cá nhân đều được khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có phương tiện, thiết bị đảm bảo khả năng khai thác, sử dụng thông tin;

2. Có phiếu đăng ký khai thác, sử dụng theo mẫu của Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao;

3. Được Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu ngành.

Điều 10. Quyền của cá nhân, đơn vị khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành

1. Được hướng dẫn và giải quyết những vướng mắc trong việc khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành.

2. Được cung cấp kịp thời, trung thực thông tin đúng với đăng ký.

Điều 11. Nghĩa vụ của cá nhân, đơn vị khai thác, sử dụng thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành

1. Đối với đơn vị:

a) Đăng ký cán bộ trực tiếp khai thác sử dụng thông tin và nhận bàn giao quyền truy cập thông tin thuộc cơ sở dữ liệu ngành của Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao.

b) Quản lý cán bộ trực tiếp khai thác, sử dụng thông tin do đơn vị đã đăng ký.

c) Quản lý nội dung các thông tin đã khai thác.

d) Chịu trách nhiệm về sai phạm do cán bộ khai thác, sử dụng thông tin mà đơn vị đã đăng ký gây ra.

2. Đối với cá nhân:

a) Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập thông tin đã được giao trách nhiệm quản lý, sử dụng.

b) Truy cập mạng đúng địa chỉ, quyền hạn, mã khóa để bảo vệ an toàn hệ thống.

c) Chỉ được khai thác sử dụng thông tin trong phạm vi quyền hạn được cấp.

CHƯƠNG V

CÁC QUY ĐỊNH CHUẨN HÓA, BẢO MẬT, AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 12. Chuẩn hóa thông tin

Tất cả các thông tin cung cấp cho cơ sở dữ liệu ngành phải theo đúng các tiêu

chuẩn, biểu mẫu và các chỉ tiêu thông tin đã được Ủy ban Thể dục thể thao phê duyệt.

Điều 13. Sao lưu, bảo quản thông tin

1. Các thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu ngành phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa CD ROM, băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy định hiện hành của pháp luật (thời gian tối thiểu 1 tuần/1 lần).

2. Toàn bộ dữ liệu thô phải được bảo quản theo quy định của Ủy ban Thể dục thể thao và pháp luật hiện hành.

Điều 14. Chế độ bảo mật, an toàn trong quá trình thu thập thông tin

1. Lãnh đạo đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ sở dữ liệu ngành chịu trách nhiệm tổ chức phê duyệt các danh mục thông tin gửi cho Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục Thể thao, bảo đảm các thông tin cung cấp không vi phạm danh mục các thông tin, tài liệu mật thuộc đơn vị mình quản lý theo quy định.

2. Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao phối hợp với các đơn vị theo dõi, phát hiện những thông tin không an toàn bảo mật, kịp thời xử lý nhằm bảo đảm các thông tin đưa lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành không vi phạm các quy định về danh mục thông tin mật của Đảng, Nhà nước và Ủy ban Thể dục thể thao.

3. Các thông tin, dữ liệu cung cấp cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của Ủy ban Thể dục thể thao phải được lưu bằng văn bản tại các đơn vị và tại Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục Thể thao theo chế độ hiện hành.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng và kỷ luật

1. Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục thể thao đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao có chế độ khen thưởng đối với cá nhân, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ phối hợp, cộng tác trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

2. Cá nhân, đơn vị vi phạm các quy định của quy chế này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo các quy định hiện hành của Ủy ban Thể dục thể thao và các quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành.

Quy chế này được phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành Thể dục thể thao để quán triệt và thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Tin học Ủy ban Thể dục Thể thao để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**Nguyễn Danh Thái**

Văn phòng Chính phủ xuất bản**Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182****Fax: 08044517****Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn****In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng****Giá: 10.000 đồng**